GIÁ ĐẤT Ở
HUYỆN NGHĨA HƯNG

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
1	**XÃ NGHĨA ĐỒNG:**			
	Đường đen (đường huyện):			
	-Đoạn từ dốc đê đến đường vào CT.VLVL XD N.Hưng	900	450	250
	Đường xã:			
	-Đoạn từ Chùa Trang Túc đến nhà ông Sao	600	300	
	-Đoạn từ gáp nhà ông Sao đến nhà ông Đề	650	325	
	-Đoạn từ giáp nhà ông Đề đến nhà ông Quý	750	370	
	-Đoạn từ giáp nhà ông Quý đến nhà ông Nhi	450	250	
	-Đoạn từ giáp nhà ông Nhi đến ngã tư đội 1	350		
	-Đoạn từ ngã tư đội 1 đến miếu xóm Mẫu	300		
	-Đường từ ruộng đội 4 đến trạm điện 1	300		
	-Đoạn từ giáp trạm điện 1 đến nhà ông Xường	600	300	
	-Đoạn từ giáp nhà ông Xường đến nhà ông Chiến	600	300	
	-Đoạn từ nhà bà Dậu đến giáp nhà bà Xuyến	750	370	
	-Đoạn từ giáp nhà bà Xuyến đến giáp nhà ông Hưng	600	300	
	-Đoạn từ giáp nhà ông Hưng đến nhà ông Tòng	450	250	
	Đường liên thôn, liên xóm	250		
2	**NGHĨA THỊNH:**			
	Đường huyện, đường xã:			
	-Đoạn từ đường Đen đến nhà bà Tấn	750	370	
	-Đường từ chợ hôm Lạng đến hết thôn Hưng Lộc	800	400	
	Đường xóm, liên xóm			
	- Từ < 3 m	250		
	- Từ > 3-5 m	250		
	- Từ 5-6 m	300		
	- Trên 6 m	600	300	
3	**XÃ NGHĨA MINH:**			
	Đường tỉnh 486 B (Đường 56 cũ):			
	Từ giáp đê sông Đáy đến hết khu dân cư mới	1,500	750	350
	Đường xã:			
	Từ giáp UBND đến cống Minh Châu.	750	370	
	Đường xóm, liên xóm.			
	- Từ < 3 m	250		
	- Từ > 3-5 m	250		
	- Từ > 5 - 6 m	250		
	- Trên 6 m	400	250	
4	**HOÀNG NAM:**			
	Đường xã:			
	Từ cầu bà Tôn đến giáp chợ Ba Hạ cũ.	750	370	
	Đoạn từ chợ Ba Hạ cũ đến đền Hưng Thịnh.	1,200	600	300
	Đoạn từ cầu Nghĩa Hoàng đến đê sông Đào	900	450	250
	Đường xóm, liên xóm			
	+Đường rộng trên 5 m.	350		

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	+Đường rộng từ 3 đến 5 m.	300		
	+Đường rộng dưới 3m.	250		
5	**XÃ NGHĨA CHÂU:**			
	Đường tỉnh (486B-đường 56 cũ)			
	Từ giáp xã Nghĩa Minh đến đầu thôn Đào Khê Thượng.	1,000	500	250
	Đầu thôn Đào Khê Thượng đến hết thôn Đào Khê Thượng	1,500	750	350
	Từ giáp thôn Đào Khê Thượng đến cầu chợ Đào Khê.	1,800	900	450
	Từ giáp cầu chợ Đào Khê đến hết thôn Đào Khê Hạ.	1,500	750	350
	Từ giáp thôn Đào Khê Hạ đến đê tả Đáy- (Phú Kỳ).	1,000	500	250
	Từ thôn Phú Kỳ đến giáp xã Nghĩa Trung.	750	350	250
	Đường xã:			
	Từ cầu UBND xã đến giáp cầu chợ Đào Khê.	1,200		
	Từ cầu UBND xã đến đê sông Đáy.	1,200	600	300
	Từ cầu UBND xã đến thôn Đại Kỳ.	1,200	600	
	Từ cầu UBND xã đến Nghĩa Thái.	1,000	500	
	Đường xóm, liên xóm:			
	- Từ < 3 m	450	250	
	- Từ > 3-5 m	500	250	
	- Từ trên 5m	600	300	
6	**XÃ NGHĨA TRUNG:**			
	Đường tỉnh (486 B- đường 56 cũ) :			
	Từ giáp TT Liễu Đề đến hết nhà thờ Liêu Hải.	3,500	1,750	
	Từ giáp nhà thờ Liêu Hải đến giáp UBND xã.	3,000	1,500	
	Từ UBND xã đến cầu nghĩa trang liệt sỹ.	2,200	1,100	
	Từ giáp cầu nghĩa Trang liệt sỹ đến dốc Tam Toà.	1,500	750	
	Từ dốc Tam Toà đến giáp Nghĩa Châu (đê Đáy)	1,500	750	
	Đường xã:			
	Đường sông Thống Nhất:			
	- Từ cầu ông Giảng đến giáp Nghĩa Thái (nhà bà Liên).	1,350	650	
	- Từ cầu ông Giảng đến giáp cống ông Khiêm.	1,350		
	-Từ nhà ông Khiêm đến hết nhà ông Đồi.	1,800		
	-Từ nhà ông Tứ đến giáp thị trấn Liễu Đề.	2,700		
	-Từ nhà Ô Ký đến hết nhà ông Nam.	2,700	1,350	
	- Từ nhà Ô Chiến đến giáp bệnh viện Nghĩa Hưng	3,000	1,500	
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	300		
	- Từ 3 - 6 m	400	250	
	- Trên 6 m	600	300	
7	**XÃ NGHĨA THÁI:**			
	Đường tỉnh (490C- đường 55 cũ):			
	Đoạn giáp Trực Thuận đến hết nhà bà Phấn.	1,600	800	400
	Đường huyện: đường Thái - Thịnh			
	Đoạn từ cầu UBND Nghĩa Thái đến hết nhà ông Lâm X.3.	1,600		
	Đoạn từ cầu Tam thôn đến cầu UBND xã.	1,350		
	Đoạn từ đường cửa làng xóm 3 đến nhà ông Bính X.6.	900		
	Đoạn từ cầu Nghĩa Thái đến hết nhà ông Công.	1,350		

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Đoạn từ giáp nhà ông Công đến Cầu Trắng.	1,000		
	Đoạn từ tây Cầu Trắng đến giáp Nghĩa Châu.	900		
	Đường sông Thống Nhất:			
	Từ giáp Nghĩa Trung đến cầu Tam thôn.	1,800		
	Đường Thái Trung:			
	Đoạn từ nhà ông Dũng đến nhà ông Thính X3.	450		
	Đoạn từ nhà ông Thơ đến nhà ông Hồng X13.	450		
	Đoạn từ nhà ông Quynh đến nhà ông Phong X7.	450		
	Đoạn từ nhà ông Chính đến nhà ông Bang X14.	450		
	Đoạn từ nhà ông Khoái đến nhà ông Phóng.	400		
	Đoạn từ nhà trẻ đến nhà ông Dũng X2.	300		
	Đoạn từ nhà ông Song đến hộ ông Thuận X5.	300		
	Đoạn từ trạm điện 4 đến giáp chùa xóm 9.	300		
	Đoạn từ nam trạm điện 4 đến nhà ông Hoạt X14.	300		
	Đoạn từ cống bà Bơn đến Ô.Diên - Liên X15.	300		
	Đoạn từ nhà ông Thuận đến nhà ông Chiểu.	300		
	Đoạn từ nhà ông Văn đến nhà ông Đường.	300		
	Đoạn từ nhà ông Toản đến nhà ông Minh X5.	300		
	Đoạn từ nhà ông Hoa đến cầu ông Gián.	300		
	Đường xóm, liên xóm:			
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3-5 m	300		
	- Trên 5 m	450		
8	**THỊ TRẤN LIỄU ĐỀ:**			
	Đường tỉnh			
	Đường 490C (đường 55 cũ)			
	-Từ giáp Trực Thuận (Trực Ninh) đến giáp Bưu điện huyện.	3,500	1,750	800
	-Từ Bưu điện huyện đến giáp công ty TNHH Xuân Duyên.	3,500	1,750	800
	-Từ Công ty Xuân Duyên đến cầu Đại Tám.	3,500	1,750	800
	Đường 486 B (đường 56 cũ) :			
	-Từ cầu 3 - 2 đến nhà hết chợ Liễu Đề..	5,000	2,500	1,250
	-Từ giáp chợ Liễu Đề đến giáp cầu Liễu Đề.	4,000	2,000	1,000
	-Từ cầu Liễu Đề đến giáp nhà ông Chữ.	3,000	1,500	750
	-Từ nhà ông Chữ đến cầu phao Ninh Cường.	2,000	1,000	500
	Đường nội thị:			
	-Từ đường 56 đến giáp nhà ông Thuần.	900	450	250
	-Từ nhà ông Thuần đến nhà xứ Liễu Đề.	750	350	
	-Từ nhà ông Luyến đến hết khu dân cư mới.	4,000	2,000	1,000
	- Đường trong khu nội thị mới:			
	+ Đường 7 m	2,200		
	+ Đường 9 m	2,200		
	+ Đường 11 m	2,200		
	Các tuyến còn lại:			
	-Đường khu phố I,II ,III xóm Đoài, Nam, Đông, Bắc.	750	350	
	- Xóm Tân Thành, Nam Sơn, Nam Phú, Tân Thọ.	450	250	
9	**XÃ NGHĨA SƠN:**			

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Đường tỉnh (490C- đường 55 cũ):			
	-Từ cầu Đại Tám đến đường vào Đại Đê.	3,500	1,750	800
	-Từ đường vào Đại đê đến bắc cầu Quần Liêu.	3,000	1,500	750
	-Từ cầu Quần Liêu đến hết VP HTX Q. Liêu.	2,500	1,250	600
	-Từ nghĩa trang liệt sỹ đến giáp trại lúa.	2,000	1,000	500
	- Từ Trại lúa đến giáp xã Nghĩa Lạc.	1,500	750	350
	Đường xã,			
	- Từ ngã ba đò Mười đến đê sông Đáy.	500	250	
	-Từ giáp Nghĩa Trung đến giáp trạm điện Quần Liêu.	600	300	
	-Từ trạm điện Quần Liêu đến Bơn Ngạn.	500	250	
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3-5 m	300		
	- Từ >5m đến 6 m	450		
	- Trên 6 m	600		
10	**XÃ NGHĨA LẠC:**			
	Đường tỉnh (490C- đường 55 cũ):			
	-Từ giáp xã Nghĩa Sơn đến giáp cống Đồng Ninh	1,500	750	400
	-Từ cống Đồng Ninh đến hết khu Dưỡng lộ	2,000	1,000	500
	-Từ giáp khu Dưỡng lộ đến giáp xã Nghĩa Phong	1,500	750	400
	Đường huyện (đường Giây Nhất)			
	-Từ ngã 3 đường 490 đến hết trạm Viễn thông (đường mới).	2,000	1,000	500
	- Từ giáp trạm Viễn Thông đến cống sông Đồng Liêu.	2,000	1,000	500
	-Từ cống sông Đồng Liêu đến giáp Nghĩa Hồng.	2,000		
	Đường trục xã			
	-Từ ngã 3 Lạc Đạo đến hết trạm Viễn thông (đường cũ).	1,500	750	350
	-Đường Bắc sông Lạc Đạo.	450	250	
	-Đường Bắc sông Đồng Liêu.	450	250	
	-Đường xã còn lại.	400	250	
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3-5 m	300		
	- Trên 5 m	450		
11	**XÃ NGHĨA PHONG:**			
	Đường tỉnh (490C- đường 55 cũ):			
	-Từ giáp xã Nghĩa Lạc đến giáp Cống Phóng (Km40)	1,500	750	370
	-Từ giáp Cống Phóng đến giáp cầu ông Rạng.	1,800	900	
	-Từ cầu ông Rạng đến giáp xã Nghĩa Bình.	2,000	1,000	500
	Đường Giây Nhất:			
	- Từ xã Nghĩa Lạc đến giáp Nghĩa Bình.	2,000	1,000	
	Đường trục xã:			
	Đoạn từ ông Thạch đến cầu kho lương thực Quần lạc.	600	300	
	Đoạn từ đường Giây Nhất đến Đường 490.	1,000	500	
	Đoạn từ nhà bà Lành đến hết nhà bà Lưu đội 14.	600	300	

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	300		
	- Từ 3-5 m	350		
12	**XÃ NGHĨA BÌNH:**			
	Đường tỉnh (490C- đường 55 cũ):			
	- Từ hàng bà Mai đến cầu ông Rạng.	2,000	1,000	500
	- Từ cầu ông Rạng đến Bệnh viện đa khoa.	2,000	1,000	500
	- Từ Bệnh viện đa khoa Nghĩa Bình đến giáp xã Nghĩa Tân	3,000	1,500	750
	Đường huyện (Giây Nhất):			
	-Từ giáp Nghĩa Phong đến giáp đường 490	2,000	1,000	750
	Đường xã :			
	-Từ giáp đường 490 đến giáp cầu Bưu điện văn hoá xã.	1,500	750	
	-Từ cầu Bưu điện văn hoá xã đến cống Ô. Thuyên.	1,400	700	
	- Từ cống ông Thuyên đến Nghĩa trang liệt sỹ.	450	220	
	-Từ Nghĩa trang liệt sỹ đến cống Bình hải 13.	750	350	
	-Các đường trục xã còn lại.	450	250	
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3-5 m	350		
13	**XÃ NGHĨA TÂN:**			
	Đường tỉnh (490C- đường 55 cũ):			
	- Từ giáp xã Nghĩa Bình đến hết trường cấp IIIB.	3,000	1,500	750
	- Từ giáp trường cấp IIIb đến hết chợ Nghĩa Tân.	2,500	1,250	650
	- Từ giáp chợ Nghĩa Tân đến cống Chéo.	2,000	1,000	500
	- Từ cống chéo đến giáp Nghĩa Thắng.	1,500	750	350
	Đường huyện (đường Chợ gạo):			
	-Từ cầu Nghĩa Tân đến hết chợ Nghĩa Tân.	2,000	1,000	
	-Từ giáp chợ Nghĩa Tân đến giáp cầu Ông Đắc.	1,500	750	
	-Đoạn từ cầu ông Đắc đến giáp thị trấn Quỹ Nhất.	1,000	500	
	Đường xã:			
	-Đường Tân Phú: Từ cầu N.Tân đến cầu Ông Thạnh.	500		
	-Từ giáp cầu ông Thạnh đến giáp xã Nghĩa Phú.	300		
	-Đường Tân Thắng: Từ cầu N.Tân đến giáp ông Bằng.	500		
	- Từ ông Bằng đến giáp Nghĩa Thắng.	300		
	Đường xóm, liên xóm			
	- Đường dưới 3 m thuộc xóm 1,2,3,4.	250		
	- Đường từ 3 m đến 5 m thuộc xóm 1,2,3,4.	280		
	- Đường 3m đến 5 m thuộc X. Vân Cù, Q.Trung, Q.Tiến, X.5,6,7	280		
	-Đường > 5m đến 6 m thuộc xóm 1,2,3,4.	300		
	-Đường > 5m đến 6 m, X.Vân Cù, Q.Trung, Q.Tiến, X.5,6,7.	300		
14	**XÃ NGHĨA THÀNH:**			
	Đường tỉnh (490C- đường 55 cũ):			
	-Từ giáp xã Nghĩa Tân đến giáp xã Nghĩa Lợi.	1,500	750	350
	Đường xã:			

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	-Tuyến đường Hoà - Thành - Lợi.	900		
	-Tuyến đường sông Phú Lợi (Thành-Lâm-Hải).	900		
	-Đường trục xã từ đường 55 đến cầu gốc gạo.	900		
	-Các tuyến đường trục xã, liên xã còn lại.	400		
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	300		
	- Từ 3 - 5m	400		
	- Trên 5m	500		
15	**XÃ NGHĨA THẮNG:**			
	Đường tỉnh (490C- đường 55 cũ):			
	-Từ giáp xã Nghĩa Tân đến giáp chợ Bình Lãng.	2,000	1,000	
	- Khu chợ Bình Lãng.	3,000	1,500	
	-Từ cầu Bình Lãng đến giáp Nghĩa Phúc.	2,000	1,000	
	Đường xã:			
	- Từ ông Quang đến giáp xã Nghĩa Tân.	900	450	
	- Tuyến từ Chợ Bình Lãng đến cống Quần Vinh 1.	900	450	
	- Đường Bắc sông Quần Vinh II.	900	450	
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	220		
	- Từ 3-5 m	350		
	- Trên 5m	400		
16	**XÃ NGHĨA LỢI:**			
	Đường tỉnh (490C- đường 55 cũ):			
	-Từ giáp Nghĩa Thành đến hết nhà ông Quang.	1,500	750	350
	- Từ nhà ông Nhiên đến giáp cầu Bình Lãng.	1,500	750	350
	-Từ cầu Bình Lãng đến cầu Đông Bình.	2,000	1,000	500
	Đường xã:			
	-Từ ngã tư Đ.55 (Ngọc Tỉnh) đến cống Đô Quan..	750	350	
	-Từ Đồng Mỹ đến làng Cầu cổ.	400		
	-Từ Tràng sinh đến Sỹ Lạc.	400		
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3 - 5 m	300		
	- Từ > 5m đến 6 m	350		
	- Trên 6 m	450	250	
17	**XÃ NGHĨA PHÚC:**			
	Đường tỉnh (490C- đường 55 cũ):			
	-Từ giáp xã Nghĩa Thắng đến cầu Đông Bình.	2,500	1,250	600
	-Từ cầu Đông Bình đến ngã tư đi Rạng Đông.	3,000	1,500	
	Đường xã:			
	-Tuyến đường từ ngã tư Rạng Đông đến Trạm kiểm Lâm.	1,700	850	400
	-Đường Thanh niên: từ Trạm kiểm Lâm đến Trạm hải Đăng.	750	350	
	-Đường trục xã từ ngã tư Rạng Đông đến trụ sở UBND xã.	900	450	
	-Đường trục xã từ trụ sở UBND xã đến đê biển.	600	300	
	Đường xóm, liên xóm:			

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3-5 m	400		
	- Trên 5 m	500	250	
18	**THỊ TRẤN - RẠNG ĐÔNG:**			
	Đường tỉnh (490C- đường 55 cũ):			
	-Từ cầu Đông Bình đến giáp phòng khám đa khoa.	3,500	1,750	800
	-Từ phòng khám đa khoa đến hết Trạm công an Đông Bình.	3,000	1,500	700
	-Từ Trạm công an Đông Bình đến cống Sỹ Lạc.	3,000	1,500	600
	-Từ cống Sỹ Lạc đến đến cầu Đen.	2,000	1,000	500
	- Từ cầu Đen đến giáp Nam Điền.	1,500	750	
	Đường huyện:			
	-Từ ngã tư Đông bình đến hạt Kiểm Lâm.	1,500	750	
	-Từ cống Đen đến giáp xã Nghĩa Hải.	700		
	-Từ cống Đen đến cống Tiền phong (đê Đáy).	500		
	Đường nội thị:			
	-Đoạn bắc sông Tiền Phong: từ khu 7 đến khu 8.	350		
	-Từ cống Trung tâm đến trạm y tế.	450		
	Đường xóm, liên xóm.			
	Có mặt cắt <=3 m khu 6,7,8,9,11 và khu KTM 2,3,4,5.	250		
	- Dưới 3 m đối với các khu dân cư khác	300		
	- Từ 3-5 m	300		
	- Trên 5 m	350		
19	**XÃ NGHĨA HỒNG:**			
	Đường huyện (đường Giây Nhất)			
	- Từ giáp Nghĩa Lạc đến cống Bá Chi.	1,500		
	Đường trục xã			
	-Từ nhà bà Nho đến ngã tư nhà ông Tiếp.	1,000		
	-Từ nhà ông Tiếp đến cầu ô. Kiểm Nam Phú.	800		
	-Từ cống chùa đến cống ông Nhương.	700		
	-Từ nhà ông Tiếp đến đê Đáy.	600		
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3-5 m	280		
	- Trên 5m	300		
20	**XÃ NGHĨA PHÚ:**			
	Đường huyện, đường xã:			
	-Từ cầu Dây Nhất đến cống Âm sa.	600	300	
	- Từ giáp Nghĩa Hồng đến cống Hồng Kỳ.	600	300	
	- Từ cống Hồng kỳ đến giáp thị trấn Quỹ Nhất.	600	300	
	- Đường sông Bình Hải (Giáp N.Hồng-làng H.Kỳ).	300		
	Đường xóm, liên xóm			
	- Từ cầu Âm Sa đến làng Thuần Hậu	400	250	
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3-5 m	300		
	- Từ >5m đến 6 m	400	250	
21	**THỊ TRẤN QUỸ NHẤT**			
	Đường Chợ Gạo:			
	- Từ giáp xã Nghĩa Tân đến giáp nhà Ông Tâm K.P3.	1,000	500	250

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	-Từ nhà Ông Tâm KP3 đến giáp nhà văn hoá K.P 2.	1,500	750	350
	-Từ nhà văn hoá KP 2 đến hết chùa Quỹ Nhất.	2,000	1,000	500
	-Từ giáp chùa Quỹ Nhất đến đê Đáy.	1,000	500	300
	Đường Phú Lợi:			
	- Từ giáp đường chợ gạo (cầu 36) đến giáp xã Nghĩa Phú.	750	430	
	Đường Thông Cù:			
	-Từ đường chợ gạo đến Trạm Điện 2 TT.	1,500	750	400
	-Từ Trạm Điện 2 TT đến cầu Ông Tịnh.	1,000	500	300
	Đường trục thị trấn phía bắc đường:			
	-Từ cầu ông Châu đến cầu ông Tịnh.	600	300	
	-Từ cầu ông Tịnh đến đê Đáy.	300		
	-Từ nhà ông Hà đến nghĩa trang Đông Thượng.	300		
	Đường trục thị trấn phía nam đường:			
	-Từ Cầu Ô.Thiệp đến đầu đường Thông Cù.	300		
	- Từ đương Thông Cù đến đê Đáy.	300		
	-Từ nhà Ông Khanh đến đường Tống Cố.	300		
	Các tuyến đường thuộc các khu phố			
	- Đường Khu phố 9.	300		
	- Đường Khu phố 6.	300		
22	**XÃ NGHĨA LÂM:**			
	Đường huyện, đường xã:			
	Đường Lâm- Hùng-Hải,			
	Đoạn từ cầu Lâm - Hoà đến hết nhà ông Tân.	900	450	
	Đoạn từ nhà ô Căn đến giáp Nghĩa Hùng.	1,200	600	
	Đường Lâm Thành			
	Đoạn từ cầu Nguyễn Văn Trỗi đến giáp nhà Ô. Chiêu.	1,000	500	
	Từ nhà ông Chiêu đến giáp Nghĩa Thành.	800	400	
	Đường Lâm Thành Hải (Phú Lợi:	800	400	
	Đường thống nhất:	800	400	
	Đường Văn Lâm:			
	Đoạn từ giáp Nghĩa Thành hết nhà ông Ảnh xóm 12.	800	400	
	Đoạn từ nhà ông Cần đến hết nhà ông Thực xóm 9.	600	300	
	Đường Khang Lâm			
	Đoạn từ ông Phòng đến hết nhà ông Thiệu xóm 5.	600	300	
	Đoạn từ giáp ông Thiệu đến hết xóm 5.	500	250	
	Đường sông tiêu NĐ5: từ ông Lĩnh đến hết xóm 7.	500	250	
	Đường phía tây sông âm Sa 14.	500	250	
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3-5 m	300		
	- Từ > 5m đến 6 m	350		
23	**XÃ NGHĨA HÙNG:**			
	Đường huyện, đường xã:			
	Đường Lâm-Hùng-Hải, Từ giáp N. Lâm đến hết nhà ông Hùng,	1,000	500	
	Từ Nghĩa Trạng Liệt sỹ đến giáp xã Nghĩa Hải.	850	350	
	Đường xã :			

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí		
		1	2	3
	Đường trục xã: từ đường Lâm- Hùng- Hải đến giáp xã N. Hải.	1,000	500	
	Từ cầu ông Quý đến nhà bà Huê.	350		
	Từ cầu Tây Hùng đến giáp thị trấn Quỹ Nhất.	350		
	Đường xóm, liên xóm:			
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3-5 m	350		
	- Trên 5m	450		
24	**XÃ NGHĨA HẢI:**			
	Đường huyện, đường xã:			
	Đoạn từ giáp xã Nghĩa Hùng đến UBND xã.	1,000	500	
	Đoạn từ Bưu điện văn hoá xã đến cống Toà.	800	400	
	Đoạn từ cầu ông Hà đến giáp xã Nghĩa Lâm.	500	250	
	Từ giáp Nghĩa Hùng đến giáp TT Rạng Đông.	750	350	
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3 - 5 m	350		
25	**XÃ NAM ĐIỀN:**			
	Đường huyện, đường xã:			
	Từ chợ Nam Điền đến hết bưu điện VH xã	1,000	500	
	Từ bưu điện đến UBND xã Nam Điền	800	400	
	Tuyến đường trục xã từ chợ đến hết Ô 1	600	300	
	Từ Ô 1 đến giáp đê Đáy	500		
	Đường xóm, liên xóm			
	- Dưới 3 m	250		
	- Từ 3-5 m	300		
	- Trên 5 m	400		